

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Thị Huỳnh Phương¹, Nguyễn Thị Bé Ba^{1*}, Lý Mỹ Tiên¹,
Lê Thị Tô Quyên¹, Lê Việt Nghĩa² và Trương Trí Thông³

¹Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam

²Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Trà Vinh, Việt Nam

³Khoa Du lịch - Ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Kiên Giang, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Bé Ba, Email: ntbba@ctu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 26/7/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 14/9/2023; Ngày duyệt đăng: 03/10/2023

Tóm tắt

Mục đích của bài viết này là đánh giá thực trạng tham gia và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch thông qua khảo sát thực địa, phỏng vấn bằng bảng câu hỏi người dân đang tham gia hoạt động du lịch tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sáu yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng gồm có: lợi ích kinh tế, sự công bằng và minh bạch, vốn xã hội, nhận thức người dân về du lịch, sự hỗ trợ phát triển du lịch và chính sách và thái độ làm việc của địa phương. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch trên địa bàn.

Từ khóa: Huyện Phong Điền, sự tham gia của cộng đồng, thành phố Cần Thơ.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.6.2024.1275>

Trích dẫn: Nguyễn, T. H. P., Nguyễn, T. B. B., Lý, M. T., Lê, T. T. Q., Lê, V. N., & Trương, T. T. (2024). Đánh giá hiện trạng tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(6), 68-79. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.6.2024.1275>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

ASSESSING COMMUNITY PARTICIPATION IN TOURISM DEVELOPMENT IN PHONG DIEN DISTRICT, CAN THO CITY

Nguyen Thi Huynh Phuong¹, Nguyen Thi Be Ba^{1*}, Ly My Tien¹,

Le Thi To Quyen¹, Le Viet Nghia², and Trương Tri Thong³

¹*School of Social Sciences and Humanities, Can Tho University, Vietnam*

²*School of Economics and Law, Tra Vinh University, Vietnam*

³*Faculty of Tourism and Foreign Languages, Kien Giang College, Vietnam*

*Corresponding author: Nguyen Thi Be Ba, Email: ntbba@ctu.edu.vn

Article history

Received: 26/7/2023; Received in revised from: 14/9/2023; Accepted: 03/10/2023

Abstract

This article is to examine the influencing factors of community participation in the tourism development. Several influenced factors are summed up through field surveys, questionnaires of local people joining in tourism activities, and the Exploratory Factor Analysis (EFA) of the investigation datum gained from Phong Dien district, Can Tho city. The findings reveal that there are six influencing factors of community participation related to economic benefits, fairness, and transparency, social capital, community awareness about tourism, support for tourism development, and local policy. Thereby, the author has provided some recommendations and solutions to enhance residential participation in tourism development of this region.

Keywords: *Can Tho city, community participation, Phong Dien district.*

1. Đặt vấn đề

Du lịch là một ngành kinh tế quan trọng và phát triển mạnh mẽ trong quy mô toàn cầu. Ngành du lịch Việt Nam ra đời muộn hơn so với các nước khác trên thế giới nhưng vai trò của nó thì không thể phủ nhận. Sự phát triển của ngành du lịch không chỉ tạo ra doanh thu và việc làm quan trọng hơn so với nhiều ngành kinh tế khác trên thế giới, mà còn trở thành hy vọng để phục hồi nền kinh tế yếu đuối của các quốc gia đang phát triển (Trần, 2003). Nhận thức được tầm quan trọng của du lịch, vào năm 2017, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 08-NQ/TW nhằm thúc đẩy phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Trong đó, sự tham gia của người dân trong hoạt động du lịch đóng một vai trò rất quan trọng vì nhu cầu của du khách có thể được đáp ứng thông qua sự hỗ trợ từ cộng đồng. Bên cạnh đó, nguồn lực được sử dụng trong hoạt động du lịch có thể gây ra những tác động tiêu cực đối với cộng đồng. Sự tham gia tích cực của cộng đồng trong lĩnh vực du lịch mang lại nhiều lợi ích đáng kể cho các bên liên quan. Theo tác giả Joobi và Satheesh (2017), cộng đồng có thể tạo ra việc làm, đảm bảo thu nhập ổn định và nâng cao khả năng kinh doanh. Điềm đến du lịch có thể duy trì sự hấp dẫn và đa dạng hóa dịch vụ. Doanh nghiệp du lịch có thể tiếp thị tour du lịch và cải thiện sức mua của khách hàng. Du khách có thể trải nghiệm những trải nghiệm thú vị và mua hàng hoá, dịch vụ với mức giá hợp lý hơn. Đó là lý do tại sao sự thành công của ngành du lịch phụ thuộc vào sự hỗ trợ tích cực từ cộng đồng.

Cần Thơ là thành phố trực thuộc Trung ương, có vị trí trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long với cơ sở hạ tầng phát triển, có nhiều thế mạnh để phát triển du lịch. Trong những năm gần đây, du lịch đã được đầu tư và phát triển tại thành phố Cần Thơ, đặc biệt là huyện Phong Điền. Phong Điền được mệnh danh là “vành đai xanh” của thành phố Cần Thơ với vườn cây trái xum xuê, không khí trong lành, kênh rạch chằng chịt, người dân hiền hòa mến khách. Hiện nay, tổng số điểm du lịch toàn huyện 65 điểm tham quan du lịch và di tích lịch sử - văn hóa, trong đó 06 di tích được xếp hạng gồm: 02 di tích cấp quốc gia và 04 di tích cấp thành phố. Trong số 65 điểm du lịch, có 03 điểm du lịch được Hiệp hội Du lịch Đồng bằng sông Cửu Long công nhận là điểm du lịch tiêu biểu cấp đồng bằng và 05 điểm du lịch được Hiệp hội Du lịch thành phố Cần Thơ công nhận là điểm du lịch

tiêu biểu cấp thành phố. Huyện Phong Điền sẽ bảo tồn cảnh quan và tài nguyên du lịch, phát triển loại hình và dịch vụ du lịch tốt hơn khi có sự tham gia và hưởng lợi của cộng đồng trong quá trình phát triển du lịch. Bài viết này sẽ đánh giá thực trạng tham gia của cộng đồng và các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch; qua đó cũng đề xuất một số giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy người dân địa phương tham gia phát triển du lịch trên địa bàn huyện Phong Điền.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Có khá nhiều khái niệm khác nhau về cộng đồng từ các học giả. Phillips (1993) định nghĩa cộng đồng là một nhóm người sống trong một lãnh thổ chung, có lịch sử chung và các giá trị chung, cùng tham gia vào các hoạt động và có tinh thần đoàn kết cao. Có thể bị ảnh hưởng bởi, hoặc lợi ích khác với, sự phát triển được giới thiệu. Pinel (1998) lại đưa ra định nghĩa cộng đồng phức tạp và linh hoạt vì nó liên quan đến nhiều lĩnh vực xã hội, kinh tế, vật chất và các yếu tố hành chính. González (2004) lưu ý rằng bất kể định nghĩa được sử dụng, cộng đồng không phải là một thực thể xã hội đồng nhất mà được đặc trưng bởi việc phân phối quyền lực không đồng đều. Aref và Redzuan (2009) chỉ rõ cộng đồng là một nhóm người đang sinh sống và làm việc trong cùng khu vực địa lý với cùng nền văn hóa hoặc mối quan tâm chung. Swanepoel và De Beer (2006) tuyên bố rằng thuật ngữ cộng đồng gợi ý một khu vực địa lý với mức độ quyền tự chủ, một nhóm có chung sở thích và nhu cầu hoặc một nhóm người có ý thức về bản sắc chung. Như vậy, có thể hiểu cộng đồng là một nhóm người đang sinh sống, làm việc và tương tác với nhau trong cùng khu vực địa lý.

Sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch giúp tăng thu nhập cho người dân và có chức năng như một động lực để bảo vệ môi trường tự nhiên và văn hóa của cộng đồng (Felstead, 2000). Tosun (2006) đã đề xuất rằng sự tham gia của cộng đồng là cần thiết cho sự thành công lâu dài của điểm du lịch và sự hỗ trợ mạnh mẽ của cộng đồng là rất quan trọng để phát triển du lịch thành công. Aref và Redzuan (2009) cũng cho rằng sự tham gia của cộng đồng là cốt lõi của phát triển cộng đồng và một thành phần của phát triển du lịch bền vững. Nghiên cứu của Keovilay (2012) đã ghi nhận những tác động tích cực

và tiêu cực của du lịch mang lại chẳng hạn như: cơ hội việc làm cải thiện mức sống, cải thiện chất lượng kinh tế, đầu tư tăng lên việc làm và lợi nhuận của các doanh nghiệp địa phương tăng.

Nhận thức và thái độ của người dân là một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất tác động đến sự tham gia của họ vào phát triển du lịch địa phương. Hai yếu tố này đều được học giả trong và ngoài nước công nhận và đưa vào các mô hình nghiên cứu về sự ủng hộ hay sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch (Jurowski & Gursory, 2004; Võ, 2006; Nguyễn 2007; Mai, 2017). Các nghiên cứu của Bandit (2009), Bramwell và Sharman (2000), Liu (2006), Kalsom (2009), Kan (2009), Kang (2008) đã chỉ ra các yếu tố quyết định mức độ sẵn lòng tham gia của người dân địa phương vào hoạt động du lịch là: sự hỗ trợ, đóng góp của chính quyền địa phương trong việc phát triển du lịch, đặc điểm của hộ gia đình (qui mô gia đình, ngành nghề tạo thu nhập, nghề truyền thống...), kinh tế gia đình (việc làm, thu nhập,...), vốn xã hội (tổ chức quản lý cộng đồng, mối quan hệ xã hội, tham gia hội đoàn thể,...), và các yếu tố thuộc về chủ hộ (trình độ học vấn, tuổi tác, địa vị xã hội, uy tín,...).

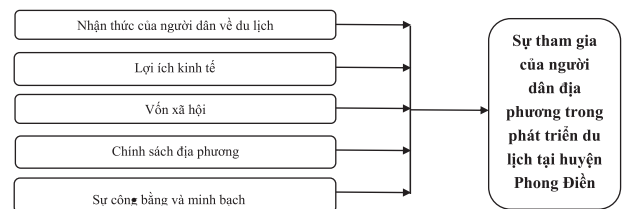
Mai (2017) đã tổng hợp các yếu tố thúc đẩy và rào cản ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân vào phát triển du lịch địa phương từ các chuyên gia hàng đầu về nghiên cứu du lịch, qua đó khái quát thành 3 nhóm nhân tố chính, gồm: (1) các yếu tố về tổ chức hoạt động kinh doanh du lịch (thông tin cho người dân, sự hợp tác giữa các bên, tính tập trung bao cấp trong quản lý du lịch); (2) các yếu tố về cơ chế chung và nguồn lực của hộ (cơ chế hợp tác, nguồn nhân lực có chất lượng, tài chính, chi phí tham gia, chuyên gia hỗ trợ); (3) các nhân tố về văn hóa/ nhận thức (nhận thức của cộng đồng về du lịch, mức độ quan tâm, thói quen, tập quán,...). Nghiên cứu này chỉ đánh giá chung các yếu tố trên chứ chưa phân tích sự ảnh hưởng của chúng đến quyết định tham gia phát triển du lịch của người dân.

Nguyễn và Trương (2019) đã xây dựng mô hình nghiên cứu gồm 6 thang đo để người dân quyết định tham gia vào phát triển du lịch, đó là: (1) Hiểu biết về du lịch địa phương, (2) Thái độ với phát triển du lịch, (3) Năng lực phục vụ du lịch, (4) Khả năng ra quyết định, (5) Sự công bằng và minh bạch, (6) Vốn xã hội.

Nguyễn & cs. (2019) với mô hình nghiên cứu

đánh giá mức độ của các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch gồm 4 thang đo, đó là: (1) Nhận thức của người dân về tài nguyên và hoạt động du lịch, (2) Cơ chế và chính sách của chính quyền/cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, (3) Đặc điểm của hộ gia đình, (4) Lợi ích kinh tế.

Qua tổng quan tài liệu, mô hình nghiên cứu đề xuất của nghiên cứu này như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Nhóm tác giả, 2023.

Để đánh giá các tiêu chí trong mô hình nghiên cứu, nghiên cứu này sử dụng thang đo Likert 5 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý; (3) Trung lập; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý cho các biến quan sát. Tác giả sử dụng 5 tiêu chí và 26 biến đo lường để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng trong du lịch tại huyện Phong Điền.

Để phục vụ mục đích nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia du lịch cộng đồng tại huyện Phong Điền, tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá gồm 5 tiêu chí với 22 biến quan sát. Trong đó bao gồm:

(1) Tiêu chí “Nhận thức về phát triển du lịch” gồm 5 biến quan sát: Thường xuyên đóng góp ý kiến phát triển du lịch địa phương (X1); Ý thức giữ gìn cảnh quan và bản sắc văn hóa địa phương (X2); Hiểu rõ các tác động của du lịch đến địa phương (X3); Nắm rõ các thông tin về thị trường du lịch địa phương (X4); Tích cực tham gia quảng bá du lịch địa phương (X5).

(2) Tiêu chí “Lợi ích kinh tế” gồm 4 biến quan sát: Thu nhập chính của gia đình là từ hoạt động du lịch (X6); Kinh tế địa phương được cải thiện nhờ vào hoạt động du lịch (X7); Tạo thêm nhiều việc làm cho các thành viên trong gia đình (X8); Thu nhập của gia đình tăng lên khi tham gia hoạt động du lịch (X9).

(3) Tiêu chí “Nguồn vốn xã hội” gồm 4 biến quan sát: Có mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương và công ty du lịch (X10); Mối quan hệ giữa các hộ làm du lịch tốt (X11); Đảm bảo tốt tình hình

an ninh, trật tự (X12); Bản sắc văn hóa địa phương được giữ gìn (X13).

(4) Thang đo “Cơ chế và chính sách từ địa phương” gồm 5 biến quan sát: Nhận được nhiều hỗ trợ từ chính quyền (vốn, kỹ thuật,...) (X14); Các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh du lịch đơn giản, dễ tiếp cận (X15); Chính quyền có tổ chức các buổi họp để lấy ý kiến người dân trong việc đưa ra các chính sách phát triển du lịch (X16); Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về du lịch để hướng dẫn người dân (X17); Thái độ làm việc của chính quyền địa phương niềm nở, có trách nhiệm (X18).

(5) Thang đo “Mức độ công bằng và minh bạch” gồm 4 biến quan sát: Phân chia lợi ích từ du lịch là minh bạch, rõ ràng, công bằng (X19); Sự tin tưởng giữa các bên liên quan (X20); Có cơ hội tham gia công bằng vào du lịch (X21); Công bằng trong tiếp cận các chính sách của địa phương (X22).

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thu thập và xử lý dữ liệu thứ cấp

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ và Trung tâm Xúc tiến Thương mại - Du lịch - Quản lý Di tích huyện Phong Điền. Bên cạnh đó, các dữ liệu thứ cấp liên quan đến du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Phong Điền được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau trong 5 năm gần đây, dưới dạng file trên internet, sách, báo, tạp chí khoa học, các tài liệu, nghị quyết, thống kê, báo cáo liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Nguồn dữ liệu này được xử lý bằng các phương pháp so sánh, đánh giá và tổng hợp để đảm bảo tính hợp lệ và phù hợp của dữ liệu nghiên cứu.

2.2.2. Phương pháp quan sát thực địa

Khảo sát thực địa được tiến hành tại huyện Phong Điền từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2023 để quan sát, phỏng vấn, chụp ảnh và thu thập dữ liệu thực tế. Phương pháp khảo sát thực địa này giúp đánh giá tiềm năng, lợi thế phát triển du lịch cộng đồng, đồng thời cũng chỉ ra những hạn chế trong phát triển du lịch của huyện Phong Điền.

2.2.3. Thu thập và xử lý dữ liệu sơ cấp

Để thu thập dữ liệu sơ cấp, nghiên cứu này đã tham khảo các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan để xây dựng bản câu hỏi, bản câu hỏi của nghiên cứu này bao gồm 3 phần chính:

- Phần 1: Phần này tìm hiểu các thông tin chung

của người dân địa phương như tên, giới tính, tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân, thu nhập bình quân hàng tháng.

- Phần 2: Gồm các câu hỏi đánh giá thực trạng tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch trên địa bàn huyện Phong Điền cụ thể là số năm tham gia hoạt động du lịch; lý do tham gia; lợi ích kinh tế khi tham gia; hoạt động phục vụ khách du lịch; thu nhập từ hoạt động du lịch; có tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ du lịch hay không; những khó khăn, nguyện vọng khi tham gia hoạt động du lịch.

- Phần 3: Phần này gồm các câu hỏi đo lường các yếu tố ảnh hưởng của sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch với 5 tiêu chí và 22 biến quan sát. Năm tiêu chí bao gồm lợi ích kinh tế, vốn xã hội, chính sách địa phương, sự công bằng và minh bạch, nhận thức của địa phương về phát triển du lịch với thang đo Likert 5 mức độ.

Theo Hair & cs. (2009), cỡ mẫu tối thiểu bằng 5 lần tổng số biến quan sát, đây là cỡ mẫu phù hợp cho nghiên cứu sử dụng phân tích nhân tố khá phá với $n = 5 \times m$. Trong nghiên cứu này, có 22 biến quan sát nên số quan sát cần thu thập tối thiểu 110 (5×22). Nghiên cứu này đã thu thập 130 quan sát, đã thỏa mãn điều kiện. Nghiên cứu sử dụng phương pháp lấy mẫu phi xác suất bằng kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên để thu thập dữ liệu sơ cấp, ưu điểm của phương pháp này là dễ tiếp cận đối tượng nghiên cứu, tiết kiệm chi phí, thời gian và hình thức phỏng vấn trực tiếp.

Sau khi thu thập được 130 quan sát, nghiên cứu đã sàng lọc và tất cả 130 bảng câu hỏi thu thập được đều hợp lệ và đủ điều kiện để phân tích. Dữ liệu sơ cấp được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 với các phương pháp xử lý dữ liệu như thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy thang đo và phân tích nhân tố khám phá.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Khái quát mẫu nghiên cứu

Giới tính: Qua khảo sát 130 người dân địa phương đã tham gia hoạt động du lịch tại huyện Phong Điền, những người được hỏi cho thấy ít có sự chênh lệch về giới tính, với 48% nam và 52% nữ.

Độ tuổi: Mẫu nghiên cứu được đa dạng hóa với các độ tuổi khác nhau, trong đó đối tượng dưới 18 tuổi chiếm tỷ lệ 3%; từ 18 đến dưới 25 tuổi chiếm 28%; từ 25 đến dưới 35 tuổi chiếm 20%; từ 35 đến dưới 45 tuổi chiếm 27%; từ 45 - dưới 55 tuổi chiếm

17%; từ 55 - dưới 65 tuổi chiếm 3%; từ 65 tuổi trở lên chiếm 2%. Qua kết quả về số lượng người được điều tra, người trả lời từ 18 đến dưới 45 tuổi chiếm đa số trong tổng số mẫu.

Trình độ học vấn: Qua điều tra 130 mẫu trên địa bàn huyện Phong Điền, số người tốt nghiệp trung học phổ thông có tỷ lệ cao nhất, chiếm 42%; tiếp đến là người có trình độ dưới trung học phổ thông chiếm 27%; Trung cấp chiếm 15%; Cao đẳng có 7%; người có trình độ đại học chiếm 6% và người có trình độ trên đại học chiếm 4%. Trong tổng quan khảo sát, người dân địa phương Phong Điền có trình độ học vấn từ cấp 3 trở xuống, do khảo sát có đa số người trả lời ở độ tuổi 18-25, điều kiện học tập lúc này cũng tốt hơn. Lứa tuổi từ 45 đến 55 sống trong điều kiện kinh tế khó khăn, học hành khó khăn, đời sống của người dân trong huyện chủ yếu bằng nghề nuôi trồng và trồng trọt.

Nghề nghiệp: Qua khảo sát, người dân huyện Phong Điền sống chủ yếu bằng nghề nông, trồng cây ăn trái và nuôi trồng thủy sản. Khảo sát cho thấy nông dân làm vườn chiếm 36%; công nhân chiếm 7%; hộ kinh doanh chiếm 34%; Cán bộ - Công chức chiếm 5%; Công việc nội trợ chiếm 6% và các công việc khác chiếm 13%.

Tình trạng hôn nhân: Theo điều tra dân số sống trên địa bàn huyện Phong Điền được phỏng vấn có 62% là người đã có gia đình, phần lớn người được hỏi thuộc độ tuổi từ 18 - 45, dân số trong độ tuổi. Hầu hết họ đều xây dựng gia đình và ổn định cuộc sống.

Thu nhập bình quân tháng: Theo khảo sát, thu nhập bình quân đầu người/tháng ở địa phương hiện chỉ ở mức trung bình khá. Mức thu nhập từ 5 - 11 triệu đồng/tháng chiếm tỷ trọng lớn 42%; tiếp đến là thu nhập từ 11 đến dưới 15 triệu đồng/tháng chiếm 24%; dưới 5 triệu/tháng có 23%; còn lại mức thu nhập từ 15 - 20 triệu đồng/tháng chiếm 6%; từ 20 đến dưới 25 triệu/tháng chiếm 4% và trên 25 triệu/tháng đạt tỷ lệ thấp nhất chỉ 3%.

3.2. Đánh giá thực trạng tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch tại huyện Phong Điền

Dữ liệu phân tích từ khảo 130 người dân địa phương đang tham gia hoạt động du lịch tại huyện Phong Điền.

Số năm tham gia hoạt động du lịch: Qua khảo sát, đa số người dân được hỏi đã tham gia hoạt động

du lịch tại địa phương trên một năm. Người tham gia hoạt động du lịch trên địa bàn huyện Phong Điền dưới một năm chiếm 23%; từ 1 đến 3 năm chiếm 35%; từ 3 đến 5 năm chiếm 26% và trên 5 năm chiếm 17%.

Lý do cộng đồng tham gia hoạt động du lịch: Qua khảo sát, đa số người dân đã từng tham gia du lịch cho biết lý do họ tham gia hoạt động du lịch tại địa phương là để cải thiện thu nhập (chiếm 57%), tiếp đến là vì phù hợp. cho nghề nghiệp của gia đình họ. chiếm 28%; Theo khuyến khích của chính quyền địa phương, 13% và 2% có lý do khác.

Hoạt động phục vụ khách du lịch: Kết quả điều tra cho thấy, người dân địa phương tham gia du lịch tại địa phương chủ yếu thuộc các hoạt động dịch vụ ăn uống chiếm 41%; tiếp đến là dịch vụ tham quan vườn trái cây chiếm 22%; dịch vụ lưu trú chiếm 21%; phục vụ hàng lưu niệm, thủ công chiếm 9%; vận chuyển khách du lịch chiếm 4%. Những người được hỏi đã chọn tùy chọn khác (3%). Khi được hỏi, đa số người được hỏi chọn hoạt động hướng dẫn du lịch, thuyết minh viên, phục vụ đờn ca tài tử.

Lợi ích kinh tế khi tham gia hoạt động du lịch: Đa số người dân cho rằng tham gia hoạt động du lịch tại địa phương giúp tăng thu nhập, cải thiện đời sống (chiếm 46%), trong khi 29% ý kiến cho rằng hoạt động du lịch tại địa phương giúp tạo thêm việc làm cho người dân; 5% người dân được hỏi cho biết sẽ nhận được ưu đãi từ chính quyền địa phương khi tham gia du lịch và hầu hết người dân cũng nhận thức được việc tham gia du lịch sẽ giúp họ nâng cao kiến thức (20%).

Thu nhập từ hoạt động du lịch: Qua khảo sát, thu nhập từ hoạt động du lịch tại địa phương mang lại cho người dân hỗ trợ rất nhiều cho đời sống người dân, hầu hết khi được hỏi về thu nhập từ hoạt động du lịch thì có tới 61% ý kiến chọn thu nhập từ du lịch là đủ trang trải cuộc sống; 29% cho rằng thu nhập từ du lịch hỗ trợ một phần cuộc sống và 8% cho rằng thu nhập từ du lịch không đáng kể.

Hình thức tham gia hoạt động du lịch: Qua khảo sát có 12% số người được hỏi lựa chọn hình thức tham gia là hợp tác với các hộ gia đình khác; còn lại có cá nhân, hộ gia đình duy nhất chiếm tỷ lệ cao (88%). Kết quả khảo sát cho thấy, mức độ nhận thức về hợp tác phát triển du lịch tại địa phương, cùng nhau làm du lịch và phát triển địa phương chưa thực sự phổ biến. Vì vậy, địa phương cần hỗ trợ, quan tâm tìm

hiều, tháo gỡ những khó khăn của người dân để du lịch ngày càng phát triển.

Tỷ lệ tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ du lịch: Qua khảo sát ý kiến người dân làm du lịch, có tới 71% người dân khẳng định địa phương đã tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho người dân. Các hộ tham gia hoạt động du lịch tại địa phương đã được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; số còn lại phần lớn tham gia du lịch theo hình thức kinh doanh tự phát, hưởng lợi từ hoạt động du lịch của địa phương.

Khó khăn khi hộ gia đình tham gia hoạt động du lịch: Qua khảo sát, có khá nhiều ý kiến cho rằng khó khăn khi tham gia hoạt động du lịch tại địa phương. Trong đó, khó khăn chung của người dân khi tham gia hoạt động du lịch là khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ còn hạn chế (chiếm 29%), tiếp đến là khó khăn về vốn chiếm 22%; khó khăn về nghiệp vụ du lịch chiếm 19%; còn lại là khó khăn trong việc tìm nguồn nhân lực du lịch chiếm 16%.

Mong muốn của hộ gia đình khi tham gia hoạt động du lịch: Hầu hết người dân khi tham gia hoạt động du lịch đều mong muốn được hỗ trợ kinh phí và được đào tạo nghiệp vụ, ngoại ngữ và được tư vấn về loại hình du lịch phù hợp; 27% người mong muốn

được đào tạo về du lịch; 43% mong muốn nhận hỗ trợ vay vốn; 18% mong muốn được tư vấn loại hình du lịch phù hợp; và 22% loại hình được hỗ trợ pháp lý.

3.3. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch tại huyện Phong Điền

Kiểm định nhân tố bằng hệ số Cronbach's Alpha

Để đảm bảo thang đo và biến quan sát đủ độ tin cậy, phương pháp đánh giá độ tin cậy thang đo được sử dụng. Từng thang đo được đánh giá độ tin cậy dựa vào hệ số Cronbach's Alpha để qua đó xác định và loại bỏ những biến quan sát không ảnh hưởng trong mô hình nghiên cứu hay còn được gọi là biến “rác”. Đối với thang đo đảm bảo độ tin cậy khi có hệ số Cronbach's Alpha $\geq 0,6$ (Nunnally, 1978; Peterson, 1994; Slate, 1995). Đối với biến quan sát đảm bảo độ tin cậy khi có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh $\geq 0,3$ (Nunnally và Bernstein, 1994; dẫn theo Nguyễn Đình Thọ, 2011). Sau khi đánh giá độ tin cậy thang đo, cho ra kết quả 5 thang đo và 21 biến quan sát đảm bảo độ tin cậy thang đo, có 1 biến quan sát bị loại là biến “Chính quyền có tổ chức các buổi họp để lấy ý kiến người dân trong việc đưa ra các chính sách phát triển du lịch” (X16), cụ thể ở bảng sau:

Bảng 1. Đánh giá độ tin cậy thang đo

STT	Thang đo	Số lượng biến quan sát đảm bảo độ tin cậy	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh dao động
1	Nhận thức về phát triển du lịch	5	0,788	0,497 → 0,624
2	Lợi ích kinh tế	4	0,845	0,657 → 0,707
3	Nguồn vốn xã hội	4	0,769	0,479 → 0,698
4	Cơ chế và chính sách từ địa phương	4	0,618	0,393 → 0,557
5	Mức độ công bằng và minh bạch	4	0,838	0,584 → 0,803

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu điều tra người dân địa phương tại huyện Phong Điền năm 2023, n=130.

- Thang đo “Nhận thức về phát triển du lịch” có hệ số Cronbach's Alpha bằng 0,788 và 5 biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh dao động từ 0,497 đến 0,624. Vì vậy, không có biến quan sát nào bị loại bỏ.

- Thang đo “Lợi ích kinh tế” có hệ số Cronbach's Alpha bằng 0,845 và 4 biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh dao động từ 0,657 đến 0,707. Vì vậy, không có biến quan sát nào bị loại bỏ.

- Thang đo “Nguồn vốn xã hội” có hệ số Cronbach's Alpha bằng 0,769 và 4 biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh dao động từ

0,479 đến 0,98. Vì vậy, không có biến quan sát nào bị loại bỏ.

- Thang đo “Cơ chế và chính sách từ địa phương” có hệ số Cronbach's Alpha bằng 0,618 và 4 biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh dao động từ 0,393 đến 0,557. Trước đó, có 1 biến đã bị loại khỏi mô hình nghiên cứu do có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh là 0,019 là biến: “Chính quyền có tổ chức các buổi họp để lấy ý kiến người dân trong việc đưa ra các chính sách phát triển du lịch (X16)”.

- Thang đo “Mức độ công bằng và minh bạch” có hệ số Cronbach's Alpha bằng 0,838 và 4 biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh

dao động từ 0,584 đến 0,803. Vì vậy, không có biến quan sát nào bị loại bỏ.

Như vậy sau khi đánh giá độ tin cậy thang đo có 5 thang đo độc lập và 21 biến đáp ứng đủ điều kiện để tiếp tục phân tích nhân tố khám phá.

Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis)

Dùng kiểm định KMO và Bartlett để kiểm tra mức độ thích hợp của dữ liệu trước khi chính thức tiến hành phân tích nhân tố khám phá. Kaiser (1974; trích bởi Nguyễn Đình Thọ, 2011) cho rằng hệ số KMO $\geq 0,9$: rất tốt; hệ số KMO $\geq 0,8$: tốt; hệ số KMO $\geq 0,7$: được; hệ số KMO $\geq 0,6$: tạm được; hệ số KMO $\geq 0,5$: xấu và hệ số KMO $< 0,5$: không thể chấp nhận được. Theo Hoàng và Chu (2008), nếu kiểm định Bartlett có giá trị Sig. $> 0,05$ (không có ý nghĩa thống kê) thì không nên áp dụng phân tích nhân tố khám phá. Bên cạnh đó, để phân tích nhân tố khám phá thì phần trăm tổng phương sai trích phải lớn hơn 50% (Lê và Trương, 2012). Theo kết quả kiểm định KMO và Bartlett (Bảng 22) cho thấy hệ số KMO = 0,768 $> 0,5$; giá trị Sig. của kiểm định Bartlett = 0,000 $< 0,05$ (có ý nghĩa thống kê). Bên cạnh đó, phần trăm tổng phương sai trích = 73,089% $> 50\%$. Như vậy, dữ liệu thích hợp để phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 2. Kiểm định KMO và Bartlett

Kiểm định KMO	Giá trị Chi-Square	df	Sig.
	1160,871	210	0,000
Kiểm định Bartlett			

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu điều tra người dân địa phương tại huyện Phong Điền năm 2023, n=130.

Theo Lê và Trương (2012), chỉ những nhân tố nào có giá trị riêng ≥ 1 (Eigenvalue ≥ 1) thì mới được xem là có ý nghĩa. Để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích nhân tố khám phá, cần loại bỏ những biến quan sát có hệ số tải nhân tố không đạt tiêu chuẩn ở từng nhân tố. Hair & cs. (2009) cho rằng hệ số tải nhân tố là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của phân tích nhân tố khám phá: 0,3 $<$ hệ số tải nhân tố $\leq 0,4$ được xem là đạt mức tối thiểu, 0,4 $<$ hệ số tải nhân tố $\leq 0,5$ được xem là quan trọng, hệ số tải nhân tố $> 0,5$ được xem là có ý nghĩa thực tiễn. Cũng theo Hair & cs. (2009) nếu chọn tiêu chuẩn 0,3 $<$ hệ số tải nhân tố $\leq 0,4$ thì cỡ mẫu ít nhất phải là 350, nếu cỡ mẫu khoảng 100 thì nên chọn tiêu chuẩn hệ số tải nhân tố $> 0,55$, nếu cỡ mẫu khoảng 50 thì chọn tiêu chuẩn hệ số tải nhân tố $> 0,75$. Mẫu nghiên cứu là 130 đáp viên, do đó biến quan sát có hệ số tải nhân tố $> 0,55$ sẽ được giữ lại.

Bảng 3. Bảng ma trận xoay nhân tố

Biến quan sát	Nhân tố					
	1	2	3	4	5	6
X9	0,804					
X8	0,802					
X6	0,766					
X7	0,730					
X21		0,852				
X22		0,827				
X20		0,645				
X11			0,839			
X12			0,818			
X10			0,663			
X13			0,549			
X4				0,826		
X3				0,721		
X1				0,693		
X2				0,654		
X17					0,782	
X5					0,755	
X15					0,587	
X14						0,810
X18						0,647

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu điều tra người dân địa phương tại huyện Phong Điền năm 2023, n=130.

Dựa vào bảng nhân tố ma trận xoay (Bảng 3) cho ta thấy có tất cả 6 nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân vào mô hình du lịch cộng đồng tại huyện Phong Điền. Trong đó, biến X19 bị loại do có hệ số tải dưới 0,55, tất cả 20 biến còn lại đều không bị loại vì có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,55. Dựa vào bảng ma trận điểm số nhân tố, ta có các phương trình nhân tố:

$$F1 = 0,350X9 + 0,357X8 + 0,326X6 + 338X7$$

Nhân tố 1 chịu sự tác động của 4 biến quan sát đó: Thu nhập của gia đình tăng lên khi tham gia hoạt động du lịch (X9); Tạo thêm nhiều việc làm cho các thành viên trong gia đình (X8); Thu nhập chính của gia đình là từ hoạt động du lịch (X6); Kinh tế địa phương được cải thiện nhờ vào hoạt động du lịch (X7). Nhân tố này có thể đặt tên là “Lợi ích kinh tế khi tham gia vào hoạt động du lịch”.

$$F2 = 0,389X21 + 0,405X22 + 0,252X20$$

Nhân tố 2 chịu sự tác động của 3 biến quan sát: Có cơ hội tham gia công bằng vào du lịch” (X21); Công bằng trong tiếp cận các chính sách của địa phương (X22); Sự tin tưởng giữa các bên liên quan (X20). Nhân tố này có thể đặt tên là “Sự công bằng và minh bạch trong hoạt động du lịch”.

$$F3 = 0,403X11 + 0,374X12 + 0,289X10 + 0,212X13$$

Nhân tố 3 chịu sự tác động của 4 biến quan sát: Mọi quan hệ giữa các hộ làm du lịch tốt (X11); Đảm bảo tốt tình hình an ninh, trật tự (X12); Có mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương và công ty du lịch (X10); Bản sắc văn hóa địa phương được giữ gìn (X13). Nhân tố này có thể đặt tên là “Vốn xã hội”.

$$F4 = 0,439X4 + 0,316X3 + 0,276X1 + 0,216X2$$

Nhân tố 4 chịu sự tác động của 4 biến quan sát: Hiểu rõ các thông tin về thị trường du lịch địa phương (X4); Hiểu rõ các tác động của du lịch đến địa phương (X3); Thường xuyên đóng góp ý kiến phát triển du lịch địa phương (X1); Ý thức giữ gìn cảnh quan và bản sắc văn hóa địa phương (X2). Nhân tố này có thể đặt tên là “Nhận thức của người dân về du lịch”.

$$F5 = 0,385X17 + 0,315X5 + 0,310X15$$

Nhân tố 5 chịu sự tác động của 3 biến quan sát: Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về du lịch để hướng dẫn người dân (X17); Tích cực tham gia quảng bá du lịch địa phương (X5); Các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh du lịch đơn

giản, dễ tiếp cận (X15). Nhân tố này có thể đặt tên là “Sự hỗ trợ phát triển du lịch”.

$$F6 = 0,563X14 + 0,378X18$$

Nhân tố 6 chịu sự tác động của 2 biến quan sát: Nhận được nhiều hỗ trợ từ chính quyền (X14); Thái độ làm việc của chính quyền địa phương niềm nở tận tình, có trách nhiệm (X18). Nhân tố này có thể đặt tên là “Chính sách và thái độ làm việc của địa phương”.

Như vậy, sau khi đánh giá độ tin cậy thang đo và phân tích nhân tố khám phá, tác giả thu được 6 nhân tố đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Trong đó nhân tố “lợi ích kinh tế khi tham gia vào hoạt động du lịch” tác động mạnh nhất đến quyết định tham gia hoạt động du lịch của người dân địa phương, kế đến là “sự công bằng và minh bạch trong hoạt động du lịch”, “vốn xã hội”, “nhận thức người dân về du lịch”, “sự hỗ trợ phát triển du lịch” và sau cùng đó là nhân tố “chính sách và thái độ làm việc của địa phương”. Trong 6 nhân tố ảnh hưởng đến sự tham gia du lịch của cộng đồng địa phương, có 2 nhân tố thuộc về bản thân của cộng đồng (vốn xã hội, nhận thức của người dân về du lịch), có 4 nhân tố liên quan đến yếu tố bên ngoài (lợi ích kinh tế khi tham gia vào hoạt động du lịch, sự công bằng và minh bạch trong hoạt động du lịch, sự hỗ trợ phát triển du lịch, và chính sách - thái độ làm việc của địa phương). Phát hiện này khác với kết quả nghiên cứu của Nguyễn và Trương (2019) và Nguyễn & cs. (2019).

3.4. Giải pháp tăng cường sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch tại huyện Phong Điền

3.4.1. Khuyến khích sự tham gia của người dân địa phương

Chính quyền địa phương cần chú trọng trong việc xây dựng quan hệ tốt đẹp với cộng đồng địa phương, chủ động tìm hiểu và giải quyết khó khăn của cộng đồng. Từ đó giúp người dân sẽ có lòng tin và mạnh dạn hơn trong việc trao đổi các vấn đề về du lịch với chính quyền địa phương.

Đồng thời chính quyền địa phương cần xây dựng cơ chế phù hợp nhằm tạo điều kiện cho sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động phát triển du lịch, đảm bảo cộng đồng được hưởng lợi từ du lịch. Đồng thời cũng nên mở thêm các lớp đào tạo kỹ

năng, nghiệp vụ làm du lịch cho cộng đồng như nấu ăn, hướng dẫn du lịch, các lớp ngoại ngữ, các lớp vệ sinh an toàn thực phẩm, lớp học sơ cứu cho du khách khi gặp nạn, tổ chức các cuộc thi như người hướng dẫn giỏi,...

Thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo điều kiện để người dân tiếp cận các chính sách xã hội, khuyến khích người dân địa phương tham gia hoạt động du lịch. Chính quyền địa phương cần nghiên cứu giải pháp để người dân có thể tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất thấp, hỗ trợ người dân có nhu cầu tham gia du lịch nhưng còn hạn chế về nguồn vốn. Bên cạnh đó, chính quyền cần có thêm nhiều chính sách thu hút đầu tư, phát triển địa phương.

3.4.2. Tăng lợi ích kinh tế cho người dân địa phương

Để đảm bảo nâng cao sự tham gia của các hộ gia đình trong mô hình du lịch cộng đồng, chính quyền địa phương cần có những nguyên tắc cơ bản trong việc phân chia lợi ích giữa các bên tham gia hoạt động du lịch. Cần đảm bảo sự cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh giữa các hộ tham gia bằng việc niêm yết giá cả, dịch vụ. Các địa phương cần tránh trường hợp cùng một loại hình dịch vụ nhưng mỗi nơi một giá hoặc bán với giá cao vào mùa du lịch.

Chính quyền địa phương cần tạo điều kiện để cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh dịch vụ du lịch. Cần thành lập tổ hợp tác du lịch để tạo sự thống nhất trong phương thức hoạt động du lịch và quản lý phát triển du lịch một cách đồng bộ; tổ chức các chiến dịch nâng cao nhận thức và cung cấp thông tin cần thiết về du lịch cộng đồng cho người dân địa phương.

Bên cạnh việc khai thác lợi ích kinh tế từ hoạt động du lịch, các bên tham gia hoạt động du lịch cần cân đối giữa khai thác lợi ích kinh tế với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển các giá trị văn hóa.

3.4.3. Tăng nguồn vốn xã hội cho người dân địa phương

Tăng cường mối quan hệ giữa nhà cung cấp sản phẩm du lịch với cộng đồng dân cư tại điểm du lịch. Các nhà cung cấp sản phẩm du lịch cần hiểu rõ khả năng hiện có và tiềm năng của từng hộ tham gia mô hình du lịch tại địa phương, từ đó có kế hoạch, chiến lược quảng bá, giới thiệu đến du khách.

Đối với các hộ gia đình, cần nâng cao tay nghề, kỹ năng, thường xuyên trao đổi, học hỏi kinh nghiệm

đề cùng với các nhà cung ứng giữ gìn và phát huy tiềm năng của các hộ gia đình; mang đến cho du khách những sản phẩm du lịch trải nghiệm khác biệt, đặc trưng của cộng đồng địa phương.

Về quản lý, các cơ quan quản lý du lịch cần khuyến khích cộng đồng chủ nhà, người dân bản địa tham gia xây dựng quy hoạch và quản lý hoạt động du lịch tại địa phương nhằm tránh xung đột lợi ích, nâng cao tính tự chủ của cộng đồng. Mặt khác, các cơ quan này cần tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của việc phát triển du lịch tại địa phương, xây dựng tình đoàn kết cộng đồng.

3.4.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Người dân cần tích cực tham gia các lớp tập huấn về kỹ năng, nghiệp vụ do chính quyền địa phương tổ chức. Qua đó nâng cao chất lượng phục vụ, tạo ấn tượng tốt cho du lịch địa phương. Đối với nhà vườn, nhà bè cần giữ gìn, tôn tạo cảnh quan, nhất là tạo điểm nhấn cho du khách.

Đối với các hộ kinh doanh vận tải đường sông cần đảm bảo an toàn giao thông đường thủy, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ, nắm rõ kiến thức an toàn, xử lý các tai nạn có thể xảy ra trong quá trình hoạt động vận chuyển và đảm bảo an toàn cho du khách.

3.4.6. Nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch

Đối với các dịch vụ du lịch, cần đảm bảo về chất lượng phục vụ và tính hấp dẫn của các hoạt động. Người dân có thể tận dụng các thương hiệu sẵn có của địa phương gắn kết với các hoạt động du lịch sẽ tạo cho du khách sự hứng thú, có thể kể đến các thương hiệu như bánh hỏi mặt võng Út Dzách, dâu Hạ Châu, gạo Phong Điền, ca cao Mười Cương, rượu Trường Long... Các hộ gia đình tham gia du lịch có thể tổ chức các hoạt động đặc sắc liên quan đến đời sống, văn hóa và ẩm thực như soi ếch, bắt đom đóm, thả thả chăn nuôi của du khách, hướng dẫn du khách làm nghề truyền thống (bán hàng trên chợ nổi, đan lưới, đan lợp, chằm nón lá...), hướng dẫn du khách chuẩn bị nguyên liệu và chế biến món ăn địa phương, hướng dẫn chăm sóc và thu hoạch nông sản, biểu diễn nghệ thuật đờn ca tài tử... Quan trọng là các chủ vườn cần tạo ra dấu ấn đặc trưng cho cơ sở của mình về một mặt nhất định.

Bên cạnh nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, khám phá và trải nghiệm, du khách còn có nhu cầu mua sắm để phục vụ cho bản thân và làm quà cho

bạn bè, người thân. Đặc biệt, đối với khách quốc tế, hoạt động này trở thành một hình thức xuất khẩu tại chỗ, từ đó, lợi nhuận sẽ được nâng cao hơn nữa. Vì vậy, bên cạnh việc hoàn thiện các sản phẩm hiện có để phục vụ du khách, việc tổ chức sáng tạo các mặt hàng lưu niệm.

4. Kết luận

Huyện Phong Điền được thiên nhiên ưu đãi về tài nguyên sông nước, miệt vườn đa dạng, đang hướng tới xây dựng đô thị sinh thái của thành phố Cần Thơ. Sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động du lịch có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển du lịch bền vững của địa phương, mang lại cho họ nhiều lợi ích trên phương diện kinh tế và xã hội. Qua kết quả nghiên cứu cho thấy đa số người dân tham gia vào hoạt động du lịch tại huyện Phong Điền có thu nhập đáng kể, giúp cải thiện đời sống người dân. Hình thức tham gia hoạt động du lịch chủ yếu còn mang tính tự phát, ít sự gắn kết với các hộ gia đình khác và các bên liên quan. Trong những năm gần đây, chính quyền địa phương đã quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng tham gia phát triển du lịch, đã mở lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng liên quan đến hoạt động quản lý, kinh doanh, phục vụ, giao tiếp, thuyết minh trong du lịch cho nhiều người dân; trang bị kiến thức về bảo vệ môi trường và đảm bảo an toàn trong du lịch cho người dân. Người dân huyện Phong Điền tuy đã tiếp cận với hoạt động du lịch từ lâu nhưng nhìn chung các hộ dân vẫn gặp khó khăn trong hoạt động như hạn chế về khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ, thiếu vốn kinh doanh, hạn chế về nghiệp vụ du lịch, thiếu lao động vào mùa du lịch,...

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cho thấy sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch tại huyện Phong Điền chịu ảnh hưởng bởi sáu yếu tố sau: (1) lợi ích kinh tế, (2) sự công bằng và minh bạch, (3) vốn xã hội, (4) nhận thức người dân về du lịch, (5) sự hỗ trợ phát triển du lịch, và (6) chính sách địa phương. Để thu hút sự tham gia của cộng đồng trong du lịch, địa phương cần hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia làm du lịch, thông tin rộng rãi về tầm quan trọng của phát triển du lịch và tăng cường lợi ích kinh tế cho người dân địa phương.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Cần Thơ, mã số: T2023-26.

Tài liệu tham khảo

- Aref, F., & Redzuan, M. B. (2009). Barriers to community participation forward tourism development in Shiraz, Iran. *Journal of Tourism Research*, 12, 121-140.
- Bandit, S. (2009). *Community Based Tourism Development at the East Coast of Phuket Island*. Thesis. Faculty of Hospitality & Tourism Management Prince of Songkla University.
- Bramwell, B., & Sharman, A. (2000). Approaches to sustainable tourism planning & community participation: the case of the Hope Valley, in Richards, G. & Hall, D. (ed.). *Tourism & Sustainable Community Development*. London: Routledge, 17-35.
- Bùi, T. H. Y. (2012). *Du lịch dựa vào cộng đồng*. Hà Nội: NXB Giáo Dục.
- Felstead, M. L. (2000). *Master Plan for Community-Based Eco-Tourism in Ulgan Bay, Palawan, Republic of the Philippines*. Philippines: UNESCO-UNDP- PPC.
- González, E. D. (2004). *Ecotourism as a mean for community-based sustainable development: La Congreja NP case study, Costa Rica*. Wageningen: Wagening University & Research Center.
- Hair, J., Black, W., Babin, B., & Anderson, R. (2009), *Multivariate Data Analysis (7th ed.)*. New Jersey: Pearson Prentice Hall.
- Hoàng, T., & Chu, N. M. N. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Hà Nội: NXB Hồng Đức.
- Joobi, V. P., & Satheesh, E. K. (2017). Local community participation in responsible tourism - A case of Kumarakam Panchayath in Kerala. *International Journal of Current Research in Multidisciplinary*, 2(11), 5-11.
- Jurowski, C., & GURSOY, D. (2004). Distance effects on residents' attitudes toward tourism. *Annals of Tourism Research*, 31(2), 296-312.
- Kalsom, K. (2009). *Community Based Tourism in Developing countries*. Proceeding of International Seminar on Community Based Tourism.
- Kan, S. A. (2009). *Community Based Tourism Development in Myanmar Heritage Site: A Case*

- Study of Bagan*. Thesis, Faculty of Hospitality & Tourism Management, Prince of Songkla University.
- Kang, S. (2008). *Community participation for sustainable tourism in heritage site: the case of Angkor, Siem Reap Province, Cambodia*. Thesis, Faculty of Hospitality & Tourism Management Prince of Songkla University.
- Keovilay, T. (2012). *Tourism & Development in Rural Communities: A Case Study of Luang Namtha Province, Lao PDR*. Lincoln University, UK.
- Lê, V. H., & Trương, T. T. A. (2012). *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tài chính.
- Liu, A. (2006). Tourism in rural areas: Kedah, Malaysia. *Tourism Management, Volume 27, Issue 5*, 878-889.
- López-Guzmán, T., Sánchez-Cañizares, S., & Pavón, V. (2011). Community-based tourism in developing countries: A case study. *Tourismos*, 6(1), 69-84.
- Mai, L. Q. (2017). Các nhân tố tác động đến sự tham gia của người dân trong phát triển dịch vụ du lịch bổ sung tại các điểm di tích lịch sử văn hóa tỉnh Quảng Trị. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*, 126(5D), 95-106.
- Nguyễn, B. A. T., Trương, T. T. H., & Lê, M. T. (2019). Sự tham gia của người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại Rừng dừa Bảy Mẫu Cẩm Thanh - Hội An. *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, 128(6D), 53-70.
- Nguyễn, Đ. T. (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Hà Nội: NXB Lao động - Xã hội.
- Nguyễn, Đ. H. D., & Trương, T. T. H. (2019). Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch tại làng Thanh Thủy Chánh, Huế. *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, 128(6D), 101-119.
- Nicole, H., & Wolfgang, S. (2002). *Training Manual for Community-based tourism*. Germany: Capacity Building International.
- Phillips, D. L. (1993). *Looking backward: a critical appraisal of communitarian thought*. Princeton University Press, Princeton, NJ.
- Pinel, D. P. (1998). *Community-based tourism planning process model: Kyuquot Sound Area, B.C.* Master's thesis, University of Guelph, Ontario, Canada. Accessed on February 4, 2017; from: http://www.collectionscanada.gc.ca/obj/s4/f2/dsk2/tape15/PQDD_0006/MQ31857.pdf.
- Quốc hội. (2017). *Luật Du lịch Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Swanepoel, H., & De Beer, F. (2006). *Community development: breaking the cycle of poverty*. Juta Academic, Lansdowne.
- Tosun, C. (2006). Expected Nature of Community Participation in Tourism Development. *Tourism Management*, 27(3), 493-504.
- Trần, Đ. T. (2003). *Nhập môn khoa học du lịch*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Viện Nghiên cứu và Phát triển ngành nghề nông thôn Việt Nam. (2012). *Hướng dẫn phát triển du lịch cộng đồng*. Dự án “Du lịch cộng đồng làng nghề truyền thống Bắc Ninh”, Bắc Ninh.
- Võ, Q. (2006). *Du Lịch Cộng Đồng - Lý Thuyết Và Vận Dụng (Tập 1)*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Khoa học và Kỹ thuật.